



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2023

LỊCH THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023 - 2024
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG - KHÓA 2022 (C1)

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	22C1-CNÔ	0211000141	1	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	22C1-CNÔ	0211000141	2	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
3	22C1-CNÔ	0211000141	3	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
4	22C1-CNÔ	0211000141	4	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
5	22C1-CNÔ	0211000141	5	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 05
6	22C1-CNÔ	0211000141	6	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01
7	22C1-CNÔ	0211000141	7	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
8	22C1-CNÔ	0211000141	8	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
9	22C1-CNÔ	0211000141	9	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 04
10	22C1-CNÔ	0211000141	10	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 05
11	22C1-CNÔ	0211000141	11	38	Sức bền vật liệu	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 01
12	22C1-QTD1	0211002454		38	Quản trị doanh nghiệp	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 03
13	22C1-QLH	0211002280		12	Nghiệp vụ văn phòng	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 05
14	22C1-KXD	0211002374		28	Kỹ thuật thi công	4	27/12/2023	90	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	
15	22C1-CNL	0211002411		14	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 01
16	22C1-CNM	0211000150		20	Thiết kế trang phục 2	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	
17	22C1-ĐĐT	0211000295		42	Trang bị điện	4	27/12/2023	90	13H00	Tự luận	H1.2 - 02
18	22C1-CNÔ	0211001475	1	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
19	22C1-CNÔ	0211001475	2	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
20	22C1-CNÔ	0211001475	3	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
21	22C1-CNÔ	0211001475	4	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
22	22C1-CNÔ	0211001475	5	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
23	22C1-CNÔ	0211001475	6	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
24	22C1-CNÔ	0211001475	7	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
25	22C1-CNÔ	0211001475	8	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
26	22C1-CNÔ	0211001475	9	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
27	22C1-CNÔ	0211001475	10	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
28	22C1-CNÔ	0211001475	11	38	Lý thuyết gầm ô tô	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
29	22C1-QTD1	0211002453		38	Quản trị văn phòng	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
30	22C1-QLH	0211003308		12	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	4	27/12/2023	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 05

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
31	22C1-KXD	0211002108		28	Thiết kế kiến trúc	4	27/12/2023	90	15H30	Tự luận	C3.2 - 03
32	22C1-KML	0211000087	1	38	Kỹ thuật lạnh thực phẩm	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 01
33	22C1-KML	0211000087	2	18	Kỹ thuật lạnh thực phẩm	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 02
34	22C1-CNM	0211001526		20	Công nghệ sản xuất may công nghiệp	4	27/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	
35	22C1-QTD2	0211002454		38	Quản trị doanh nghiệp	4	27/12/2023	90	18H00	Tự luận	H1.2 - 03
36	22C1-QTD2	0211002453		38	Quản trị văn phòng	4	27/12/2023	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 03
1	22C1-CCK	0211001253	1	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	22C1-CCK	0211001253	2	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
3	22C1-CCK	0211001253	3	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
4	22C1-CCK	0211001253	4	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 05
5	22C1-CCK	0211001253	5	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01
6	22C1-CCK	0211001253	6	38	Nguyên lý - Chi tiết máy	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
7	22C1-CNM	0211002385		20	Marketing hàng may mặc	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	
8	22C1-CNL; KML; VSL	0211000706	1	36	Kỹ thuật điều hòa không khí	6	29/12/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
9	22C1-CNL; KML; VSL	0211000706	2	36	Kỹ thuật điều hòa không khí	6	29/12/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
10	22C1-CNL; KML; VSL	0211000706	3	36	Kỹ thuật điều hòa không khí	6	29/12/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
11	22C1-CNL; KML; VSL	0211000706	4	36	Kỹ thuật điều hòa không khí	6	29/12/2023	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
12	22C1-KTD	0211003301	1	30	Kế toán tài chính 2	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 04
13	22C1-KTD	0211003301	2	30	Kế toán tài chính 2	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 01
14	22C1-QLH	0211003311		12	Thiết kế và điều hành tour	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 02
15	22C1-KXD	0211002380		28	Kết cấu thép	6	29/12/2023	60	13H00	Tự luận	
16	22C1-LGT	0211002353		37	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối	6	29/12/2023	90	13H00	Tự luận	C3.3 - 03
17	22C1-QTD1	0211002452		38	Quản trị tài nguyên nhân sự	6	29/12/2023	60	13H00	Tự luận	C3.3 - 04
18	22C1-CCK	0211000780	1	36	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
19	22C1-CCK	0211000780	2	36	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
20	22C1-CCK	0211000780	3	36	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
21	22C1-CCK	0211000780	4	36	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
22	22C1-CCK	0211000780	5	36	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
23	22C1-CCK	0211000780	6	36	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
24	22C1-KML; VSL	0211001425	1	36	Bơm - Quạt - Máy nén	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
25	22C1-KML; VSL	0211001425	2	36	Bơm - Quạt - Máy nén	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
26	22C1-KML; VSL	0211001425	3	36	Bơm - Quạt - Máy nén	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
27	22C1-KTD	0211001314	1	30	Marketing căn bản	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
28	22C1-KTD	0211001314	2	30	Marketing căn bản	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
29	22C1-KXD	0211001841		31	Kết cấu bê tông - cốt thép 2	6	29/12/2023	60	15H30	Tự luận	C3.3 - 01
30	22C1-LGT	0211002459		37	Nghiệp vụ ngoại thương	6	29/12/2023	90	15H30	Tự luận	C3.3 - 02
31	22C1-QTD1	0211001536		38	Kế toán doanh nghiệp	6	29/12/2023	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 03
1	22C1-	0211002396	1	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	22C1-	0211002396	2	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	22C1-	0211002396	3	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	22C1-	0211002396	4	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	22C1-	0211002396	5	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	22C1-	0211002396	6	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	22C1-	0211002396	7	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
8	22C1-	0211002396	8	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
9	22C1-	0211002396	9	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
10	22C1-	0211002396	10	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
11	22C1-	0211002396	11	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
12	22C1-	0211002396	12	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
13	22C1-	0211002396	13	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
14	22C1-	0211002396	14	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
15	22C1-	0211002396	15	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
16	22C1-	0211002396	16	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
17	22C1-	0211002396	17	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
18	22C1-	0211002396	18	38	Pháp luật	4	03/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
19	22C1-QTD2	0211002451		38	Quản trị Marketing	4	03/01/2024	90	18H00	Tự luận	C2.2 - 04
20	22C1-QTD2	0211001536		35	Kế toán doanh nghiệp	4	03/01/2024	90	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
1	22C1-	0211002259	1	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	22C1-	0211002259	2	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	22C1-	0211002259	3	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	22C1-	0211002259	4	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	22C1-	0211002259	5	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	22C1-	0211002259	6	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	22C1-	0211002259	7	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
8	22C1-	0211002259	8	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
9	22C1-	0211002259	9	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
10	22C1-CNL; KML; VSL	0211002135	1	32	Máy và thiết bị lạnh	6	05/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
11	22C1-CNL; KML; VSL	0211002135	2	32	Máy và thiết bị lạnh	6	05/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
12	22C1-CNL; KML; VSL	0211002135	3	32	Máy và thiết bị lạnh	6	05/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
13	22C1-CNL; KML; VSL	0211002135	4	32	Máy và thiết bị lạnh	6	05/01/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
14	22C1-	0211002259	10	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
15	22C1-	0211002259	11	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
16	22C1-	0211002259	12	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
17	22C1-	0211002259	13	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
18	22C1-	0211002259	14	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
19	22C1-	0211002259	15	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
20	22C1-	0211002259	16	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
21	22C1-	0211002259	17	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
22	22C1-	0211002259	18	38	Tiếng Anh 3	6	05/01/2024	90	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
23	22C1-VSL	0211001440	1	32	Tự động hóa hệ thống lạnh	6	05/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
24	22C1-VSL	0211001440	2	32	Tự động hóa hệ thống lạnh	6	05/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
25	22C1-NNA	0211002473	1	30	Tiếng Hoa	6	05/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
26	22C1-NNA	0211002473	2	30	Tiếng Hoa	6	05/01/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
27	22C1-QTD2	0211002452		38	Quản trị tài nguyên nhân sự	6	05/01/2024	90	18H00	Tự luận	C2.3 - 01
28	22C1-QTD2	0211002396		38	Pháp luật	6	05/01/2024	60	19H45	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
1	22C1-ĐĐT; TĐH; CĐT	0211000222	1	36	Vi xử lý	2	08/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
2	22C1-ĐĐT; TĐH; CĐT	0211000222	2	36	Vi xử lý	2	08/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
3	22C1-ĐĐT; TĐH; CĐT	0211000222	3	36	Vi xử lý	2	08/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
4	22C1-ĐĐT; TĐH; CĐT	0211000222	4	36	Vi xử lý	2	08/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
5	22C1-CCK1; CCK4	0211000273	1	38	Nguyên lý cắt kim loại	2	08/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	22C1-CCK1; CCK4	0211000273	2	38	Nguyên lý cắt kim loại	2	08/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	22C1-CCK1; CCK4	0211000273	3	38	Nguyên lý cắt kim loại	2	08/01/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
8	22C1-QKS	0211002637		29	Quản trị buồng khách sạn	2	08/01/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 05
9	22C1-TMĐ	0211002833		31	Quản trị thương mại điện tử	2	08/01/2024	90	13H00	Tự luận	C3.2 - 01

[illegible]

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	22C1-QTM	0211002950		21	Quản trị mạng trên Linux	6	05/01/2024	60	09H30	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 03
2	22C1-LTM; THU; TKW	0211002881	1	30	Lập trình cơ sở dữ liệu	6	05/01/2024	120	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 01
3	22C1-LTM; THU; TKW	0211002881	2	30	Lập trình cơ sở dữ liệu	6	05/01/2024	120	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 02
4	22C1-LTM; THU; TKW	0211002881	3	30	Lập trình cơ sở dữ liệu	6	05/01/2024	120	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 03
1	22C1-CMT; QTM	0211002990	1	30	Thiết kế trang Web	2	08/01/2024	120	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 01
2	22C1-CMT; QTM	0211002990	2	30	Thiết kế trang Web	2	08/01/2024	120	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 02
3	22C1-CMT; QTM	0211002990	3	30	Thiết kế trang Web	2	08/01/2024	120	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 03
1	22C1-LTM; TKW	0211002999	1	30	Lập trình hướng đối tượng	4	10/01/2024	120	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 01
2	22C1-LTM; TKW	0211002999	2	30	Lập trình hướng đối tượng	4	10/01/2024	120	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 02
3	22C1-TKW	0211003111		21	Công nghệ và Dịch vụ Web	4	10/01/2024	120	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 01
4	22C1-THU	0211003319		22	Ngôn ngữ Java	4	10/01/2024	120	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 02
1	22C1-	0211002028	1	35	Tin học	6	12/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 01
2	22C1-	0211002028	2	30	Tin học	6	12/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 02
3	22C1-	0211002028	3	30	Tin học	6	12/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 03
4	22C1-	0211002028	4	30	Tin học	6	12/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E3 - 01
5	22C1-	0211002028	5	30	Tin học	6	12/01/2024	90	07H30	Trên máy tính	E3 - 02
6	22C1-	0211002028	6	35	Tin học	6	12/01/2024	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 01
7	22C1-	0211002028	7	30	Tin học	6	12/01/2024	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 02
8	22C1-	0211002028	8	30	Tin học	6	12/01/2024	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 03
9	22C1-	0211002028	9	30	Tin học	6	12/01/2024	90	10H00	Trên máy tính	E3 - 01
10	22C1-	0211002028	10	30	Tin học	6	12/01/2024	90	10H00	Trên máy tính	E3 - 02
11	22C1-	0211002028	11	30	Tin học	6	12/01/2024	90	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 01
12	22C1-	0211002028	12	30	Tin học	6	12/01/2024	90	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 02
13	22C1-	0211002028	13	30	Tin học	6	12/01/2024	90	13H00	Trên máy tính	E2.1 - 03
14	22C1-	0211002028	14	30	Tin học	6	12/01/2024	90	13H00	Trên máy tính	E3 - 01
15	22C1-	0211002028	15	30	Tin học	6	12/01/2024	90	13H00	Trên máy tính	E3 - 02
16	22C1-	0211002028	16	30	Tin học	6	12/01/2024	90	15H30	Trên máy tính	E2.1 - 01

ST T	Lớp học	Mã học phần	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
17	22C1-	0211002028	17	30	Tin học	6	12/01/2024	90	15H30	Trên máy tính	E2.1 - 02
18	22C1-	0211002028	18	30	Tin học	6	12/01/2024	90	15H30	Trên máy tính	E2.1 - 03
19	22C1-	0211002028	19	30	Tin học	6	12/01/2024	90	15H30	Trên máy tính	E3 - 01
20	22C1-	0211002028	20	30	Tin học	6	12/01/2024	90	15H30	Trên máy tính	E3 - 02

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐBCL